TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52 /2021 / HNGĐ-ST
Ngày: 01 – 11 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đinh Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít : Bà Lê Thị Xuân Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 56/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2021; Về việc: *" Xin ly hôn, nuôi con chung "* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1993. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn N, sinh năm 1996. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H trình bày:

Nguyên vào năm 2014 chị H, anh N được cha, mẹ hai bên chấp thuận nên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, ngày 25/01/2017 theo quy định pháp luật.

Sau khi cưới nhau vợ, chồng sống chung hạnh phúc và được 01 con chung là Đặng Lê Minh G, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2015 hiện nay con chung đang sống với chị H . Khoảng đầu năm 2019 thì vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và kéo dài

cho đến nay đã ly thân không đoàn tựu lại, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Nay cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn N.

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi con chung Đặng Lê Minh G, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2015, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, về nợ: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh đã cung cấp cho Tòa án và được họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị H xác định là đầy đủ và không cung cấp chứng cứ thêm.

Tại biên bản ghi lời khai của Tòa án, anh Đặng Văn N trình bày:

Anh N thống nhất lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Do vợ, chồng có mâu thuẫn theo lời trình bày của chị H là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, anh N có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Mỹ H.

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi con chung Đặng Lê Minh G, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2015, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, về nợ: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H được ly hôn anh Đặng Văn N.

+ Về con chung: Giao con chung Đặng Lê Minh G, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

+ Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là "Ly hôn, nuôi con chung" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 25 tháng 01 năm 2017 chị H, anh N kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị H trình bày trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng xảy ra mâu thuẩn và hiện đã ly thân năm 2019 đến nay không đoàn tựu lại, anh N thừa nhận, đồng ý ly hôn nhưng không tham dự phiên tòa, không có yêu cầu đề nghị hòa giải vắng mặt nên Hội đồng xét xử cho ly hôn là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[2.2] Về con chung: Xét thấy, sau khi chị H và anh N ly thân với nhau đến nay cháu Đặng Lê Minh G do chị H nuôi dưỡng. Nên giao cháu Đặng Lê Minh G cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nguyên đơn chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, 228 và Điều 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn Lê Thị Mỹ H ly hôn với bị đơn Đặng Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Lê Minh G, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2015 cho chị Lê Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đặng Văn N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số N^0 0006772, ngày 05/3/2021.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm công khai. Đương sự vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, phát, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã N 01b;
- Các đương sự 02bản ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo